TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1083/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 10 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 633/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thụy Phương U**, sinh năm: 1991;

Địa chỉ: 4 L, Khu phố A, phường H (Phường D, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1992;

Địa chỉ: 4 L, Khu phố A, phường H (Phường D, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 59, 60, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 10 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 10 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa:

Bà **Nguyễn Thụy Phương U**, sinh năm: 1991

Địa chỉ: 4 L, Khu phố A, phường H (Phường D, quận G cũ), Thành phố Hồ

Chí Minh.

Và ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1992;

Địa chỉ: 4 L, Khu phố A, phường H (Phường D, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thụy Phương U và ông Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật Giấy chứng nhận kết hôn số: 077 do Ủy ban nhân dân Phường D, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/10/2012 không còn giá trị.

2.2 Về con chung: Có 02 (hai) người con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo T1, sinh ngày: 19/12/2012; Nguyễn Nhất N, sinh ngày: 06/9/2019.

Giao 02 (hai) người con tên T1, N cho bà Nguyễn Thụy Phương U trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Bà U không yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con; không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.3 Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thụy Phương U và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Nguyễn Thụy Phương U và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5 Về án phí: Bà Nguyễn Thụy Phương U tự nguyện chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bà U được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0022839 ngày 03/10/2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng cho bà Nguyễn Thụy Phương U tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0022839 ngày 03/10/2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thụy Phương U đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 7 - Tp.HCM;
- Phòng THADS Khu vực 7 - Tp.HCM;
- UBND phường Hạnh Thông, Tp.HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Yến Ngọc